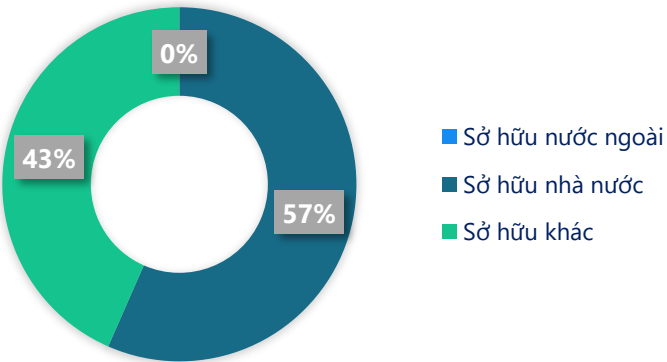


Thông tin giao dịch		31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		4,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		4,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		2,500
SL cổ phiếu LH		36,505,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		400
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		175
P/E		88.0
EPS		55

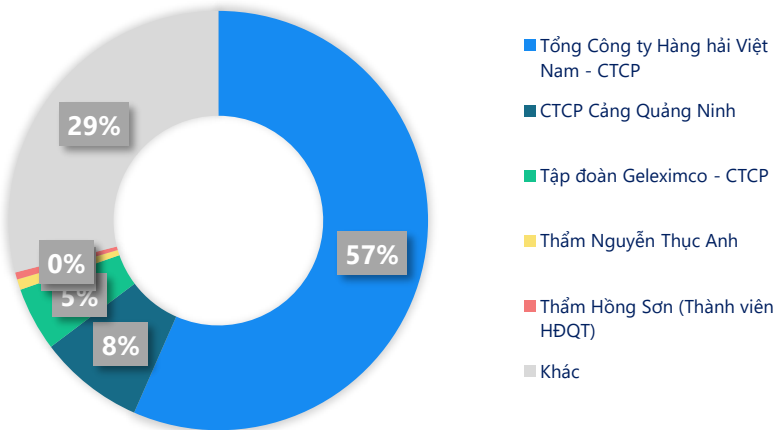
	YTD	1T	3T	6T
CPI		6.7%	14.3%	26.3%
VNINDEX		2.1%	-0.2%	-1.3%

Cơ cấu sở hữu



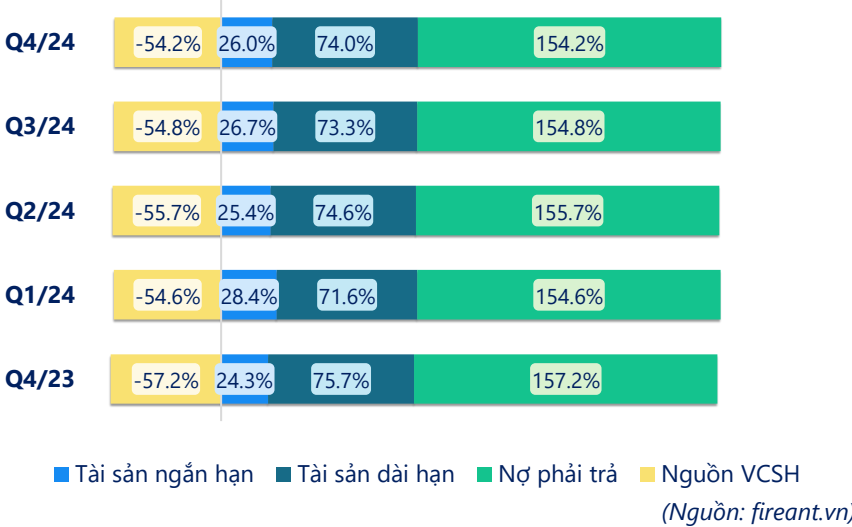
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông

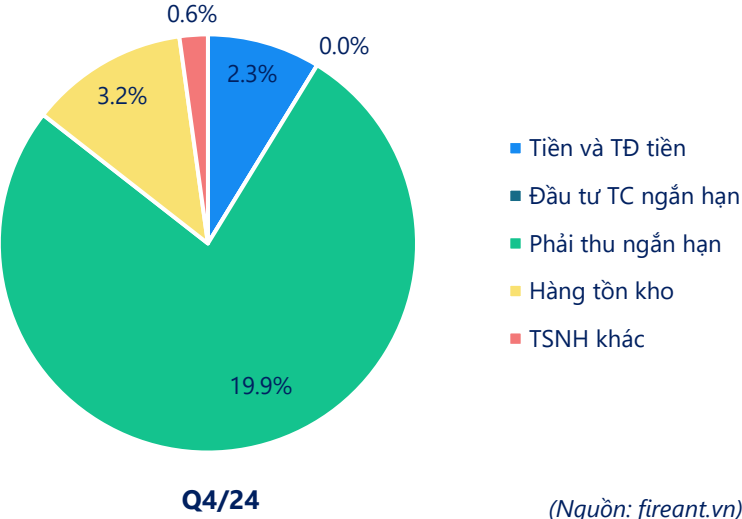


(Nguồn: fireant.vn)

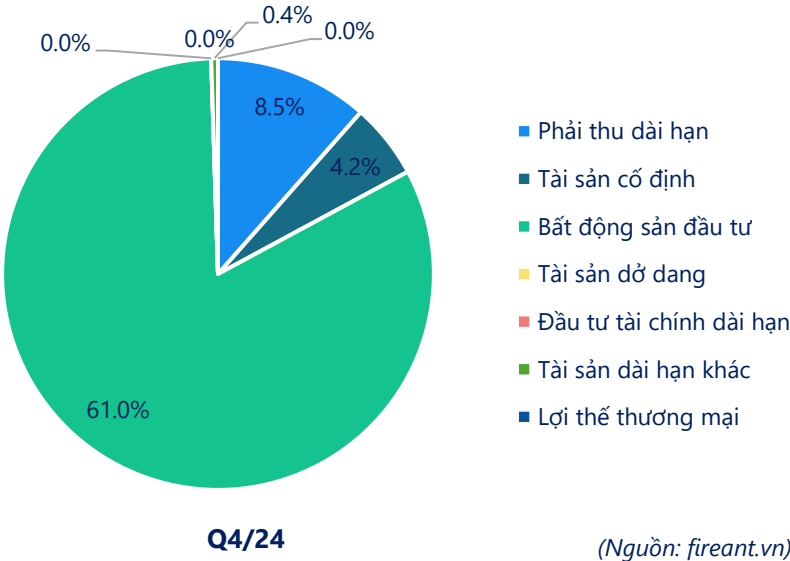
Cơ cấu Tổng tài sản

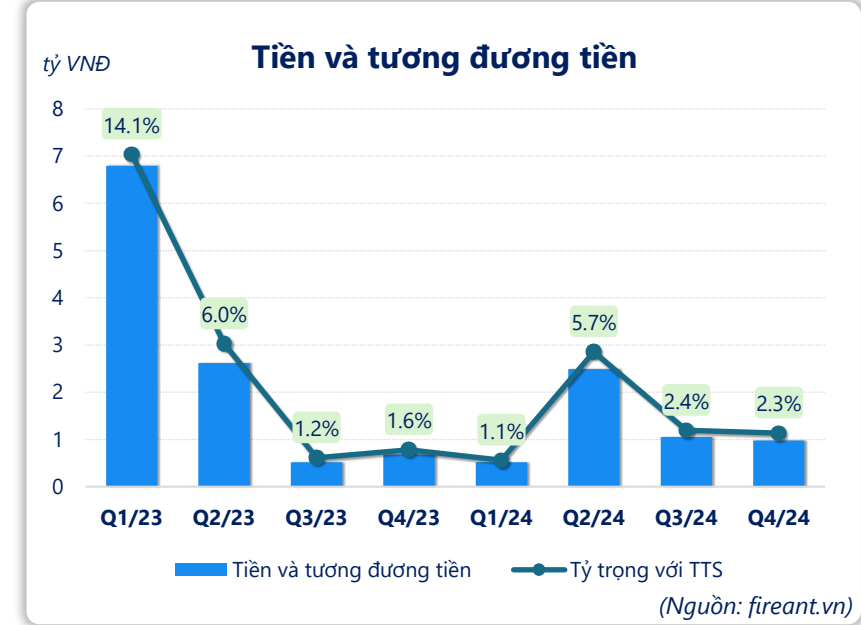
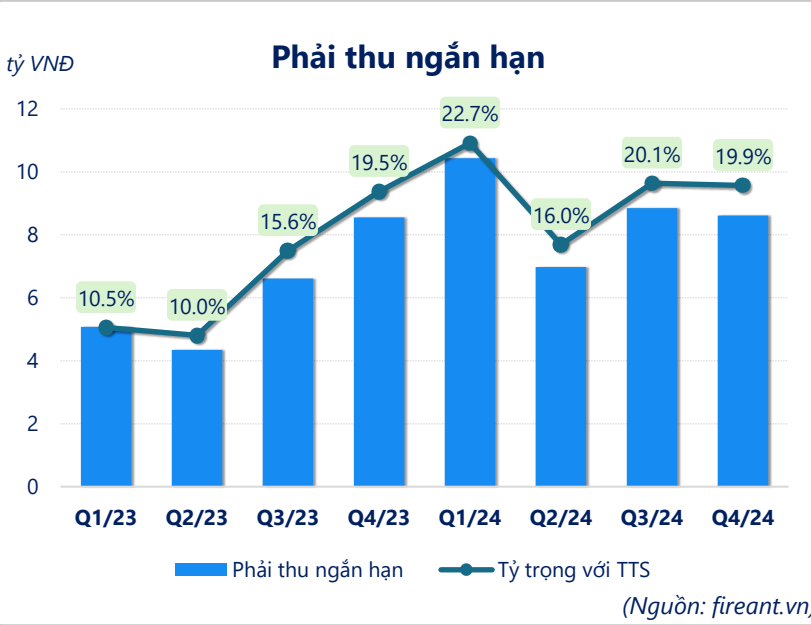
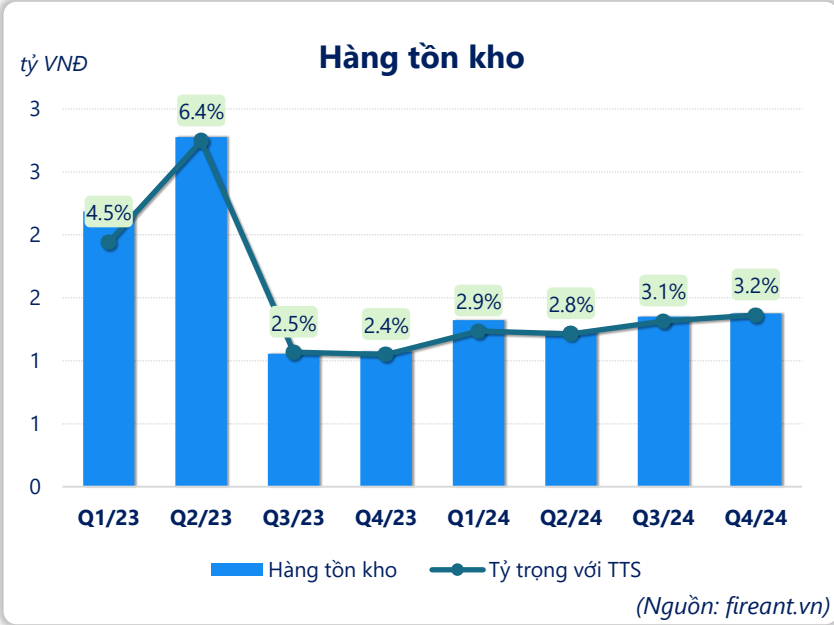
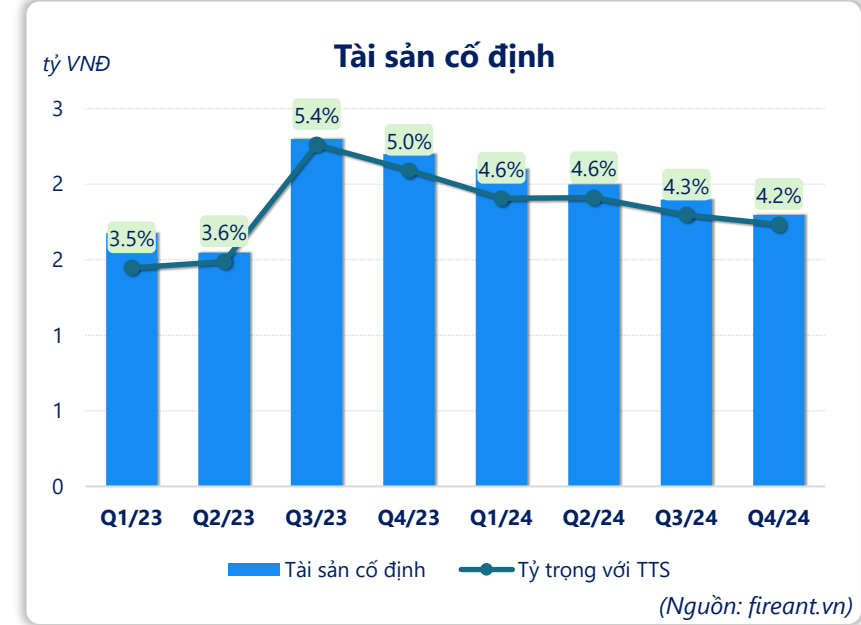
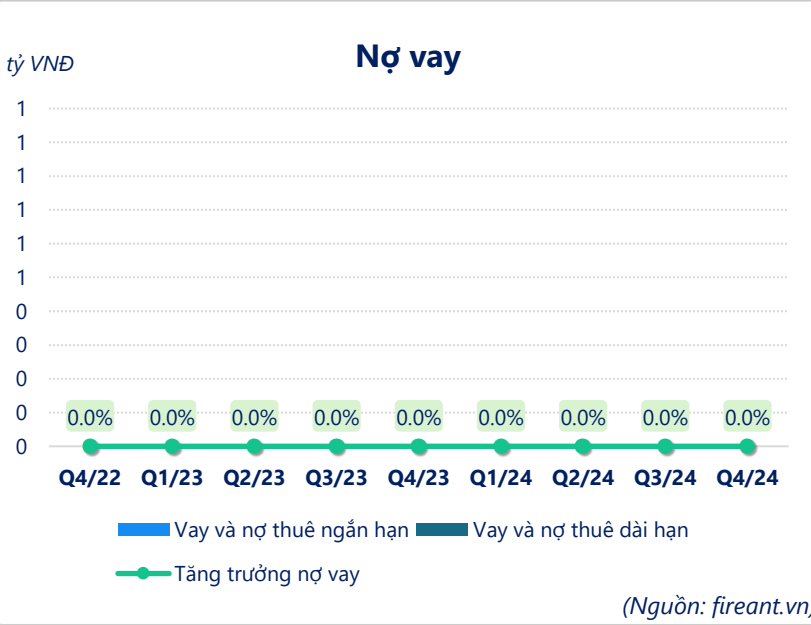
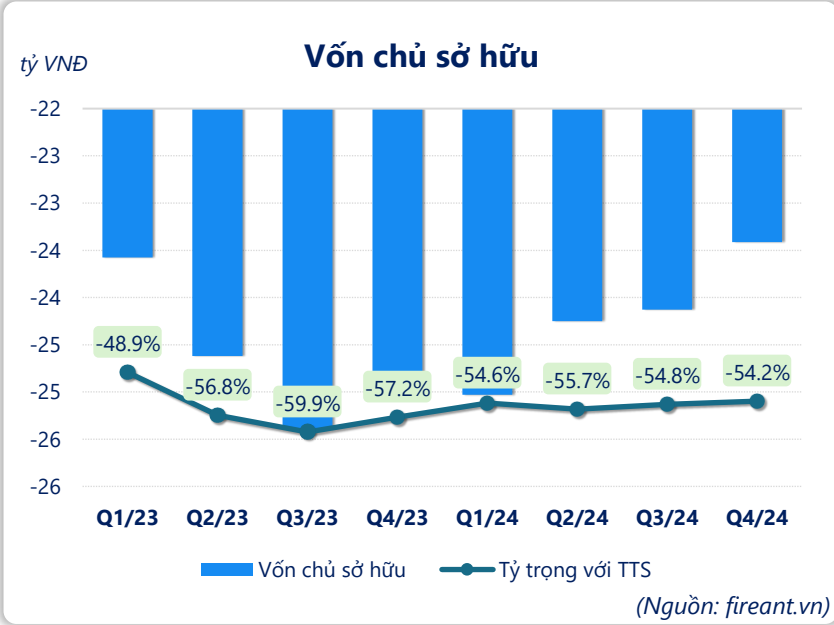


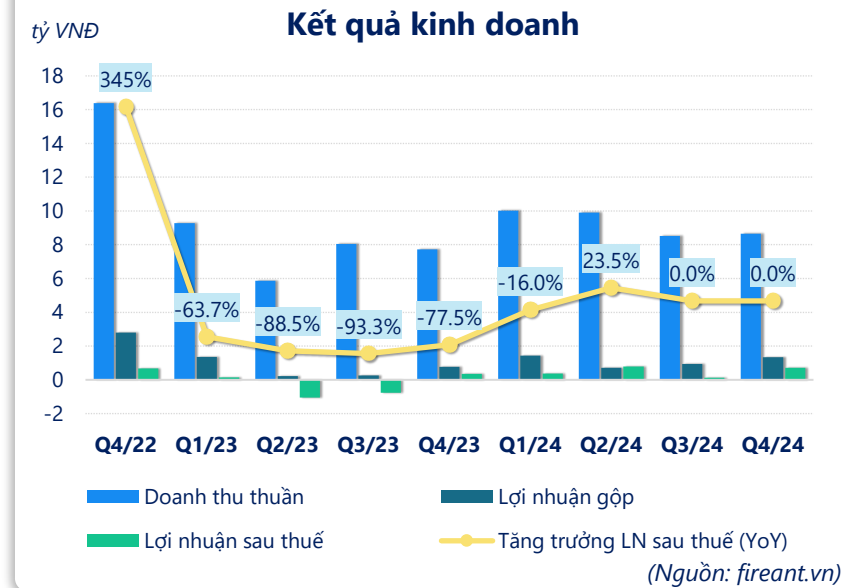
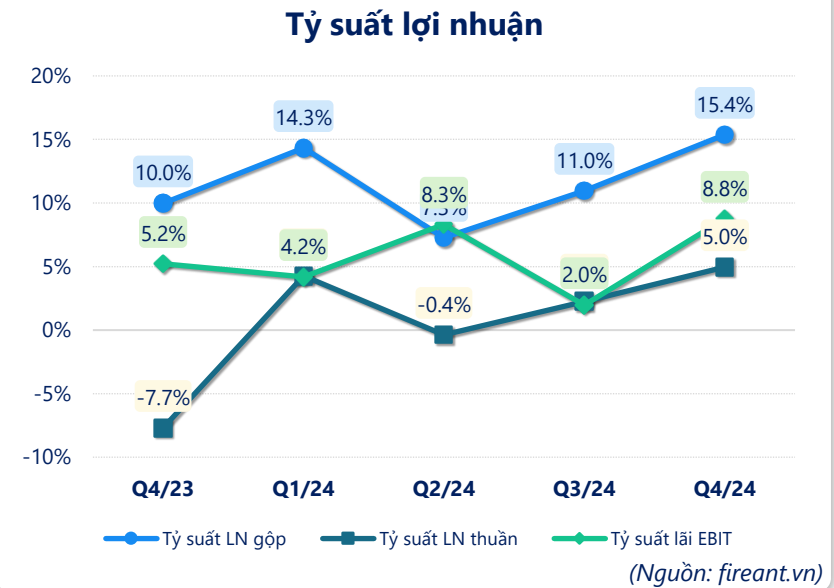
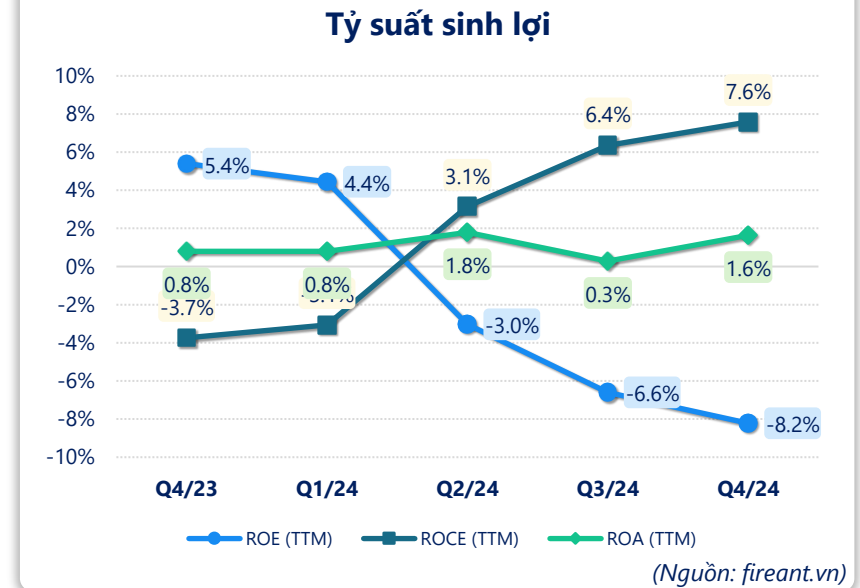
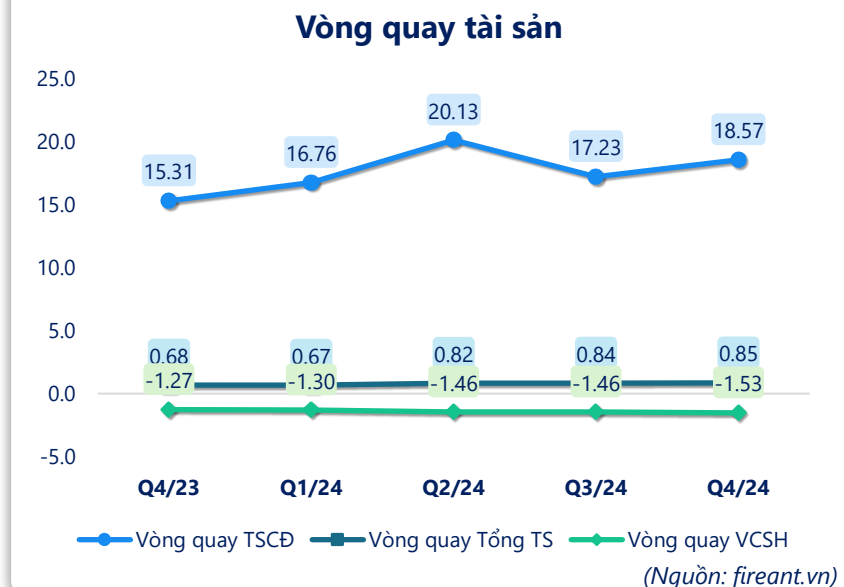
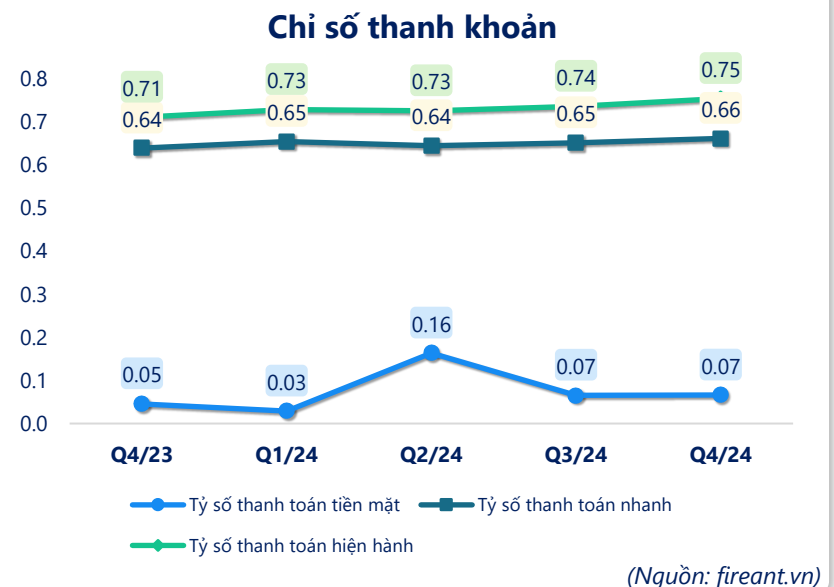
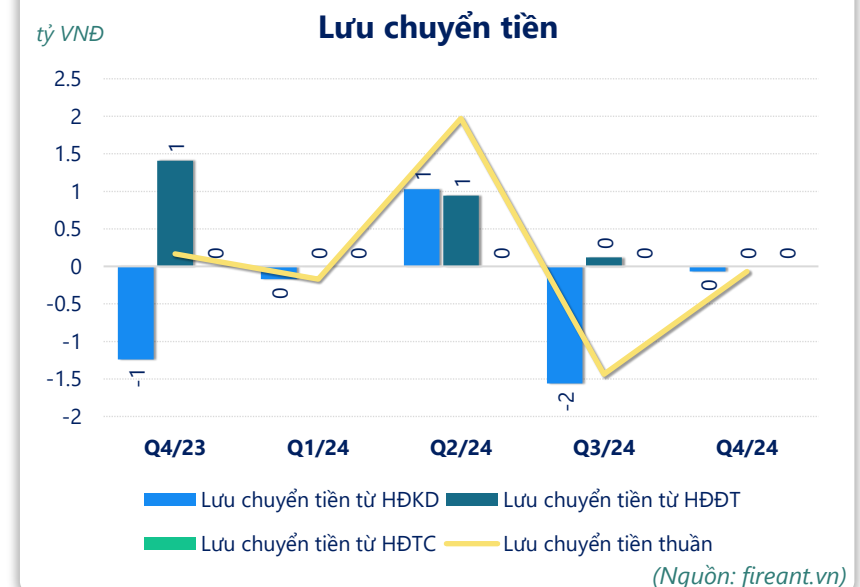
Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	43.2	43.4	-0.5%
Tài sản ngắn hạn	11.2	10.3	9.3%
Tiền và tương đương tiền	0.98	0.68	43.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	8.61	8.18	5.3%
Hàng tồn kho	1.38	1.07	28.2%
Tài sản ngắn hạn khác	0.25	0.33	-25.1%
Tài sản dài hạn	32.0	33.2	-3.5%
Phải thu dài hạn	3.68	3.68	0.1%
Tài sản cố định	1.80	2.20	-18.3%
Bất động sản đầu tư	26.4	27.1	-2.9%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0.16	0.15	10.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	66.6	68.8	-3.2%
Nợ ngắn hạn	14.9	15.4	-3.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	11.0	11.7	-6.0%
Nợ dài hạn	51.7	53.4	-3.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	-23.4	-25.4	7.8%
Vốn chủ sở hữu	-23.4	-25.4	7.8%
Vốn điều lệ	365	365	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Doanh thu thuần	7.72	10.0	9.91	8.52	8.66
Giá vốn hàng bán	6.95	8.58	9.19	7.58	7.33
Lợi nhuận gộp	0.77	1.43	0.72	0.93	1.33
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00	0.01	0.01	0.00
Chi phí TC	0	0.01	0.00	0.00	0
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	1.36	1.00	0.76	0.75	0.90
LN thuần từ HĐKD	-0.59	0.43	-0.04	0.19	0.43
Lợi nhuận khác	1.00	-0.01	0.86	-0.02	0.33
LN trước thuế	0.40	0.42	0.82	0.17	0.76
Lợi nhuận sau thuế	0.36	0.37	0.78	0.12	0.71
LNST của CĐ cty mẹ	0.36	0.37	0.78	0.12	0.71

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-1.24	-0.17	1.03	-1.56	-0.07
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	1.41	0.00	0.94	0.12	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	0.52	0.68	0.52	2.49	1.05
Lưu chuyển tiền thuần	0.17	-0.17	1.97	-1.44	-0.07
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.68	0.52	2.49	1.05	0.98

(Nguồn: fireant.vn)